

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 22-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa PH4 tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Lương Thị Ngân

- Thư ký PH4 tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia PH4 tòa: Bà V Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 25/10/1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, Sinh năm 1972 và bà Phạm Thị H6, sinh năm 1972; có vợ là Bùi Thị Thùy T5, Sinh năm 1997; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

2. Bùi Văn T, sinh ngày 21/4/1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T6, Sinh năm 1938 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1941; có vợ là Bùi Thị Q, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị G, sinh năm 1960; có vợ là Bùi Diệu Thu, sinh năm 1992; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

4. Nguyễn Văn C, sinh ngày 17/8/1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T7 (đã chết) và bà Bùi Thị L2 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị V1, sinh năm 1976; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

5. Nguyễn Văn B (tên gọi khác: X), sinh ngày 18/7/1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị V2 (đã chết); có vợ là Trương Thị C1, sinh năm 1996; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 27/10/2020 của Công an xã T xử phạt Nguyễn Văn B 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

6. Bùi Văn D, sinh ngày 15/3/1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H8, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1975; có vợ là Nguyễn Thị H9, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

7. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 18/01/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H10 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị N6, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

8. Nguyễn Văn N, sinh ngày 08/5/1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn P2 (đã chết) và bà Đoàn Thị H11, sinh năm 1956; có vợ là Đào Thị C3, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

9. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/6/1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1976; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39/QĐ-XPHC ngày 27/10/2020 của Công an xã T xử phạt Nguyễn Văn T1 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

10. Bùi Văn H2, sinh ngày 24/01/1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N8, S năm 1958 và bà Nguyễn Thị H12, sinh năm 1960; có vợ là Phạm Thị T4, sinh năm 1980; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

11. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02/8/1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X2 (đã chết) và bà Phạm Thị T9, sinh năm 1965; có vợ là Bùi Thị H13, sinh năm 1998; có 02 con, lớn S năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40/QĐ-XPHC ngày 27/10/2020 của Công an xã T xử phạt Nguyễn Văn T1 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

12. Phạm Văn V, sinh ngày 20/7/1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T10, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị O1, sinh năm 1971; có vợ là Phạm Thị L4, sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/ QĐ-XPHC ngày 27/10/2020 của Công an xã T xử phạt Phạm Văn V 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

13. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 31/7/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D5, sinh năm 1953 và bà Hồ Thị H14, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị H15, sinh năm 1986; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2022; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Văn H5, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, Huyện K, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn T3; có mặt
2. Ông Phạm Văn **N1**; có mặt
3. Chị Phạm Thị T4; có mặt
4. Anh Nguyễn Văn H3; có mặt
5. Anh Bùi Văn H4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH4 tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 03/12/2022, Nguyễn Văn S, Bùi Văn D, Bùi Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N đều đến dự đám cưới tại nhà anh Bùi Văn N2 ở thôn P, xã T, huyện K. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng rủ nhau sang nhà anh Bùi Văn H5 (sát cạnh nhà và là anh ruột của anh N2) đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. S dùng kéo và lá bài tú lơ khơ có sẵn trong nhà anh H5 cắt thành 04 quân vị hình tròn, D vào trong bếp nhà anh H5 lấy 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng đưa cho S. S cầm cái xóc đĩa cho D, T, H1, T2, B, N cùng đánh bạc tại phòng ngủ nhà anh H5. Sau đó có Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn H2, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995), Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996), Phạm Văn V đến cùng tham gia đánh bạc. S không chơi nữa mà đi về nhà thì T tiếp tục cầm cái xóc đĩa cho cả nhóm đánh bạc. Cách thức đánh bạc quy ước như sau: Có hai bên chẵn, lẻ; khi T mở bát ra mà 04 quân vị đều ngựa hoặc đều sấp hoặc 02 quân vị ngựa, 02 quân vị sấp là chẵn. Còn nếu 03 quân vị ngựa, 01 quân vị sấp hoặc ngược lại là lẻ. Khi người cầm cái xóc xong, những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược vào trong hai cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo ý thích, không giới hạn số tiền đặt cược thấp nhất và số tiền đặt cược tối đa. Người cầm cái mở bát, quân vị đúng cửa nào thì người đặt tiền cửa đó

thắng, không đúng là thua. T là người thu tiền của những người thua bạc và trả cho những người thắng bạc theo tỷ lệ 1:1. Khi các đối tượng đánh bạc thì có Phạm Văn N1, Phạm Thị T4, Nguyễn Văn H3, Bùi Văn H4, Phạm Văn T3 có mặt đứng xem, không tham gia đánh bạc. Trong khi đánh bạc không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không phải nộp tiền hồ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 1.900.000 đồng tại chiếu bạc; số tiền 200.000 đồng tại vị trí nền nhà cạnh cửa ra vào gần vị trí các đối tượng đánh bạc; 01 cặp sách màu nâu tại vị trí nền nhà sát góc tường, trong cặp có số tiền 11.650.000 đồng; 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn. Ngoài ra thu trong người các đối tượng: N 01 điện thoại Samsung màu xanh, V 01 điện thoại iPhone X màu trắng; H số tiền 1.170.000 đồng và 01 điện thoại iPhone 7, 01 điện thoại iPhone 7 plus, 01 ví da; T2 số tiền 500.000 đồng và 01 ví da màu nâu; T số tiền 14.680.000 đồng và 01 ví da màu nâu; Nguyễn Văn T1 (S năm 1996) số tiền 2.600.000 đồng; C số tiền 1.950.000 đồng và 01 ví da; B số tiền 5.200.000 đồng, 01 điện thoại iPhone 8 plus và 01 ví da màu đen; Nguyễn Văn T1 (S năm 1995) số tiền 250.000 đồng, 01 điện thoại iPhone 8 plus màu đen và 01 ví da; D số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu xanh; H2 01 điện thoại Realme màu xanh; Phạm Thị T4 số tiền 705.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu xanh; Nguyễn Văn H3 số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu đen; Nguyễn Văn H1 01 điện thoại Samsung màu xanh; Phạm Văn N1 01 điện thoại Samsung màu đen; Bùi Văn H4 số tiền 90.000 đồng, 01 điện thoại Vivo màu xanh đen và 01 ví da màu đen. Ngày 04/12/2022 Nguyễn Văn S giao nộp số tiền 1.100.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ, số tiền và vật chứng bị thu giữ không liên quan đến hành vi đánh bạc và quyết định xử lý trả lại cho người quản lý và chủ sở hữu hợp pháp: Trả lại cho: Bùi Văn H4 số tiền 90.000 đồng, 01 điện thoại Vivo màu xanh đen và 01 ví da màu đen. Nguyễn Văn B số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại iPhone 8 plus và 01 ví da màu đen; Nguyễn Văn H3 số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu đen; Nguyễn Văn H số tiền 1.170.000 đồng, 01 điện thoại iPhone 7, 01 điện thoại iPhone 7 plus và 01 ví da; Bùi Văn T số tiền 12.730.000 đồng và 01 ví da màu nâu; Nguyễn Văn T1 (S năm 1995) số tiền 250.000 đồng, 01 điện thoại iPhone 8 plus màu đen và 01 ví da; Nguyễn Văn T1 (S năm 1996) số tiền 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn T2 số tiền 500.000 đồng và 01 ví da màu nâu; Phạm Thị T4 số tiền 11.755.000 đồng (trong đó có 11.650.000 đồng để trong cặp sách và 105.000 đồng trong người) và 01 điện thoại Samsung màu xanh; Bùi Văn D 01 điện thoại Samsung màu xanh; Nguyễn Văn H1 01 điện thoại Samsung màu xanh; Phạm Văn N1 01 điện thoại Samsung màu đen; Nguyễn Văn C 01 ví da; Bùi Văn H5 01 cặp sách màu nâu; Nguyễn Văn N 01 điện thoại Samsung màu xanh; Phạm Văn V 01 điện thoại iPhone X màu trắng; Bùi Văn H2 01 điện thoại Realme màu xanh.

Còn lại số tiền 13.500.000 đồng, 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn cHèn Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để giải quyết theo vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKT ngày 19/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Hện K đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn S, Bùi Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn B, Bùi Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996), Bùi Văn H2, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995), Phạm Văn V, Nguyễn Văn T2 đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại pH4 tòa, các bị cáo đã khai nhận tội:

- Nguyễn Văn S, Bùi Văn D, Bùi Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N thống nhất khai: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 03/12/2022, S, D, T, H1, T2, B, N đều đến dự đám cưới tại nhà anh Bùi Văn N2. Sau đó đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày S cùng mọi người rủ nhau sang nhà anh Bùi Văn H5 (sát cạnh nhà và là anh trai N2) đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. S lấy kéo và 01 cây bài tứ lơ khơ có sẵn trong nhà anh H5 cắt thành 04 quân vị hình tròn, D vào trong bếp nhà anh H5 lấy 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng đưa cho S. S cầm cái xóc đĩa cho T, **D**, H1, T2, B, N cùng đánh bạc tại phòng ngủ nhà anh H5; S dùng số tiền 450.000 đồng để đánh bạc và thắng bạc được 650.000 đồng thì không đánh nữa và đi về nhà. Sau đó T tiếp tục cầm cái xóc đĩa đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì có C, H, H2, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995), Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996), V đến cùng tham gia đánh bạc. T dùng số tiền 550.000 đánh bạc, thắng bạc 4.600.000 đồng (cho H vay 3.000.000 đồng, T2 vay 200.000 đồng); H1 dùng số tiền 1.200.000 đồng đánh bạc, không thắng không thua; **H** dùng số tiền **3.000.000** đồng đánh bạc, thua hết; T2 dùng số tiền 200.000 đồng đánh bạc, thua hết; B dùng số tiền 2.200.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 2.000.000 đồng; N dùng số tiền 600.000 đồng đánh bạc, thua bạc 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền dùng vào đánh bạc đều bị thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo. Trong khi đánh bạc không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không phải nộp tiền hồ. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an Hện K phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

- Nguyễn Văn C, Phạm Văn V, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995), Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996), Bùi Văn H2 thống nhất khai: Khoảng 23 giờ ngày 03/12/2022 các bị cáo đi đến nhà anh Bùi Văn H5 chơi thấy tại phòng ngủ có nhiều người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền do T là người cầm cái xóc đĩa nên vào tham gia cùng đánh bạc. C dùng số tiền 2.400.000 đồng đánh bạc, thua bạc 450.000 đồng; V dùng số tiền 200.000 đồng đánh bạc, thua hết; Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995) dùng số tiền 200.000 đồng đánh bạc, thua hết; H dùng số tiền 3.000.000 đồng vay của T đánh bạc, thua hết;

Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996) dùng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 600.000 đồng; H2 dùng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền dùng vào đánh bạc, thắng bạc đều bị thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo. Khi các bị cáo đánh bạc thì có Phạm Văn N1, Phạm Thị T4, Nguyễn Văn H3, Bùi Văn H4, Phạm Văn T3 đến xem nhưng không tham gia đánh bạc. Trong khi đánh bạc không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không phải nộp tiền hồ. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K bắt quả tang cùng vật chứng.

- Tại Cơ quan điều tra, anh Bùi Văn H5 khai: ngày 03/12/2022, gia đình anh tổ chức đám cưới cho em trai Bùi Văn N2 có mời họ hàng, bạn bè đến giúp. Sau khi ăn uống xong, gia đình anh tập T2 dọn dẹp, chuẩn bị cho lễ cưới vào ngày hôm sau. Khi các đôi tượng rủ nhau đi sang nhà anh lấy kéo và cây bài tú lơ khơ cất quân vị, lấy 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng để đánh bạc tại phòng ngủ của gia đình anh thì không ai biết. 01 bộ bài tú lơ khơ là của gia đình anh mua từ trước để mọi người đến chơi vui. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang các đôi tượng đang đánh bạc và thu giữ vật chứng; trong đó có 01 cặp sách màu nâu đặt tại vị trí nền nhà sát góc tường, bên trong cặp có số tiền 11.650.000 đồng của chị T4 cất giấu khi công an vào bắt giữ, cặp sách là của con gái anh để đi học đã được Cơ quan điều tra trả lại. Nay gia đình anh không có yêu cầu gì, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau quá trình xét hỏi, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn S, Bùi Văn T: Mỗi bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn H, Bùi Văn D: Mỗi bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt:

+ Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn B (tên gọi khác X): Mỗi bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996): Mỗi bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 05 % đến 10 % sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn N, Phạm Văn V, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995): Mỗi bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 05 % đến 10 % để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bùi Văn H2 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo từ 05 % đến 10 % để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Phạt tiền: Nguyễn Văn T2 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 13.500.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/12/2022 đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn S, Bùi Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn B, Bùi Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1 (Sinh năm 1995), Bùi Văn H2, Phạm Văn V, Nguyễn Văn T1 (Sinh năm 1996), Nguyễn Văn T2 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại phòng ngủ của gia đình anh H5 ở thôn P, xã T, Hện K với tổng số tiền là 13.500.000 đồng bị bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn S, Bùi Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn B, Bùi Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1 (Sinh năm 1995), Bùi Văn H2, Phạm Văn V, Nguyễn Văn T1 (Sinh năm 1996), Nguyễn Văn T2 đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân; là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, các bị cáo S, T, D đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. S lấy kéo cắt cây bài tú lơ khơ thành 04 quân vị hình tròn, D lấy 01 bộ bát đĩa sứ đưa cho S. Bị cáo S, T thay nhau cầm cái xóc đĩa cho các bị cáo khác đánh bạc, D dùng số tiền 1.500.000 đồng đánh bạc nhiều hơn bị cáo S, T. Do đó các bị cáo S, T có vai trò ngang nhau và chịu trách nhiệm hình sự bằng nhau và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng T1; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đều có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo T đã tham gia trong quân đội và được tặng giấy khen của trung đoàn 274, có bố đẻ là T binh hạng 3/4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, hạng Ba. Bị cáo S có ông bà nội tham gia thanh niên xung phong được hưởng trợ cấp nhiễm chất độc hóa học. Bị cáo D có ông nội là T binh hạng 3/4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, hạng Ba. Gia đình các bị cáo đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị

cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo H, C, B, H1, N, H2, T1 (sinh năm 1996), V, T1 (sinh năm 1995), T2 đều tham gia đánh bạc tích cực; H sử dụng số tiền 3.000.000 đồng đánh bạc, C sử dụng số tiền 2.400.000 đồng đánh bạc, B sử dụng số tiền 2.200.000 đồng đánh bạc, H1 sử dụng số tiền 1.200.000 đồng đánh bạc, N sử dụng số tiền 600.000 đồng đánh bạc, H2 sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, T1 (sinh năm 1996) sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, V sử dụng số tiền 200.000 đồng đánh bạc, T2 sử dụng số tiền 200.000 đồng đánh bạc. Nhân thân các bị cáo B, T1 (sinh năm 1996), V, T1 (sinh năm 1995) đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đều có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo H1 có bố đẻ được tặng H chương kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo N có mẹ đẻ tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Bị cáo T2 có bố đẻ tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được tặng Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam. Gia đình các bị cáo B, C, H, H1, N, T1 (sinh năm 1995), V, T1 (sinh năm 1996) đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo S, T, D, H bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với các bị cáo C, B, H1, N, H2, T1 (sinh năm 1996), T1 (sinh năm 1995), V, T2 bị khấu trừ thu nhập và hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại pH4 tòa, các bị cáo C, B, H1, N, T1 (sinh năm 1996), H2, T1 (sinh năm 1995), V đều khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng là 6.000.000 đồng phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương; cần khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với ngôi nhà của anh Bùi Văn H5 mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc thuộc quyền sở hữu chung của gia đình anh H5; khi các bị cáo đánh bạc thì anh H5 và các thành viên trong gia đình không biết, nên không đặt ra tịch thu tài sản để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 13.500.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Trong vụ án này, Phạm Văn N1, Phạm Thị T4, Nguyễn Văn H3, Bùi Văn H4, Phạm Văn T3 có mặt tại nhà anh H5, chỉ đứng xem không tham gia đánh bạc. Anh Bùi Văn H5 chủ nhà, không có mặt ở nhà nên không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình bị bắt quả tang, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: + Nguyễn Văn S 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bùi Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bùi Văn D 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S, T, D, H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không

đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Nguyễn Văn C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn B (tên gọi khác X) 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn H1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996) 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn Núi 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Phạm Văn Vũ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn Trọng (sinh năm 1995) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Bùi Văn H2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo C, B, N, H2, V, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995), Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996) tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Văn H1 tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn C với thời gian 15 (mười lăm) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn B với thời gian 15 (mười lăm) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn H1 với thời gian 12 (mười hai) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996) với thời gian 12 (mười hai) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn N với thời gian 09 (chín) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Bùi Văn H2 với thời gian 09 (chín) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn Trọng (sinh năm 1995) với thời gian 09 (chín) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Phạm Văn Vũ với thời gian 09 (chín) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Phạt tiền Nguyễn Văn T2 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền các bị cáo: Nguyễn Văn S 10.000.000đ (mười triệu đồng); Bùi Văn T 10.000.000đ (mười triệu đồng); Bùi Văn D 10.000.000đ (mười triệu đồng); Nguyễn Văn H 10.000.000đ (mười triệu đồng), để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 13.500.000 (mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước (Theo ủy nhiệm chi tại Kho bạc nhà nước huyện K ngày 01/02/2023).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1996), Nguyễn Văn N, Bùi Văn H2, Phạm Văn V, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995), Nguyễn Văn T2: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Hện K;
- Công an Hện K;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS Hện + Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã T, Hện K;
- UBND xã K1, Hện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH4 TÒA**

Lưu Thanh Hên